

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/DS-PT
Ngày: 30-3-2018
V/v Tranh chấp quyền về lối đi qua
bất động sản liền kề

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Đinh Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 306/2017/TLPT- DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1947; địa chỉ: ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Phan Tứ H, sinh năm 1929; địa chỉ: ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông Phan Tứ H là chị Phan Thị Mỹ N, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018) (có mặt).

2.2. Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1948; địa chỉ: ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1940;

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Phạm Thị L là chị Phan Thị Mỹ N, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2016) (có mặt).

3.2. Anh Phan Trung H1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3.3. Chị Phan Thị Mỹ T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3.4. Anh Phan Trung H2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

3.5. Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1998 (vắng mặt).

3.6. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Hưng Mỹ Đ, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Anh Phan Ngọc Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt).

3.8. Chị Huỳnh Thị Hồng L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, Đồng Tháp;

3.9. Anh Trần Văn V1, sinh năm 1976 (có mặt).

3.10. Chị Trần Thị T, sinh năm 1978 (có mặt).

3.11. Anh Trần Văn V2, sinh năm 1968;

- *Người đại diện theo pháp luật* của anh Trần Văn V2 là bà Phạm Thị P, sinh năm 1937; địa chỉ: ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (bà P là người giám hộ đương nhiên của anh V2) (vắng mặt).

3.12. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1937 (vắng mặt).

3.13. Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: ấp Hưng Mỹ Đ, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người đại diện theo pháp luật* của chị Trần Thị Kim T là anh Trần Văn V1, sinh năm 1976 và chị Trần Thị T, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (là cha và mẹ ruột của Kim T) (có mặt).

3.14. Ủy ban nhân dân huyện L; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Hữu T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2017) (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Trần Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Vào năm 1977 bà có mua một phần đất vườn tại Rạch C thuộc ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và có lối đi từ đường C đến chợ Cao Hoàn Ba cũ, đồng thời con đường này đã lưu thông đến nay khoảng 60 năm. Khi ông nội ông H còn sống có hiến một phần đất của mình (hiện là phần đất tranh chấp) làm đường đi chung cho bà con xung quanh. Lối đi này được nhiều hộ dân sinh sống trong khu vực ngọn C sử dụng để làm lối đi ra huyện lộ (nhưng bà L không nhớ rõ những hộ nào). Sau đó khoảng năm 1992 do đường C có mở lối đi mới nên bà con ít đi lại lối đi này nên chỉ còn gia đình bà sử dụng lối đi này để đi ra vườn. Khi cha ông H, bà T còn sống cũng thống nhất cho bà L sử dụng lối đi này, đến ông H sử dụng cũng không tranh chấp.

Năm 2015 ông H có kêu bà L chuyển nhượng lối đi này, nhưng do đất ông H chưa được cấp quyền sử dụng nên bà L không mua và tháng 7/2015 ông H đã chuyển nhượng lối đi này cho anh Trần Văn V1 và ông H rào lối đi lại không cho bà và gia đình đi lại nên hiện nay để đi từ nhà bà ra vườn giáp đất ông H, bà L phải dùng xuồng làm phương tiện đi lại.

Phần đất tranh chấp với ông H và bà T là lối đi có diện tích tổng cộng là 242,5m² tính từ đường huyện đến phần đất vườn của bà L. Phần đất có lối đi đang tranh chấp gồm hai phần, phần bà L tranh chấp với ông H (phía giáp với huyện lộ) có diện tích là 147,2m² hiện anh V1 đang sử dụng; phần bà L tranh chấp với bà T có diện tích là 95,3 m² hiện bà T đang sử dụng. Do lối đi bà L tranh chấp với ông H và bà T thì bà L đã sử dụng từ năm 1977 đến nay, nên bà L yêu cầu ông H cho bà L được quyền sử dụng lối đi có diện tích là 147,2m² thuộc một phần của thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 và bà L yêu cầu bà T cho bà L được quyền sử dụng lối đi có diện tích là 95,3m² thuộc một phần của thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, Đồng Tháp, thửa đất số 8 do bà T đứng tên nhưng chưa được cấp quyền sử dụng. Bà L đồng ý trả giá trị đất cho ông H và bà T theo giá Nhà nước quy định. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là lời khai của những người sống lâu năm ở địa phương gồm ông Nguyễn Văn N, ông Trần Hữu H, ông Nguyễn Hữu Vi, ông Lê Văn N, ông Trần Văn K. Bà Trần Thị L không yêu cầu gì đối với anh Trần Văn V1, các thành viên trong hộ khẩu anh V1, các thành viên trong hộ khẩu ông H và các thành viên trong hộ khẩu bà T. Bà L thống nhất giá trị đất đang tranh chấp là 150.000đ/m². Bà L không yêu cầu định giá đối với phần đất tranh chấp cũng như tài sản có trên đất tranh chấp.

- Bị đơn trình bày:

+ Ông Phan Tứ H trình bày: Nguồn gốc đất bà L tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề với ông là phần đất vườn của ông nội ông H để lại cho ba ông là ông Phan Thân T, ba ông để lại cho em ông H là bà Phan Thị Ngọc T và trước năm 1975 bà T cho ông H sử dụng một lối đi ngang khoảng hơn 1m, dài khoảng 85m, hiện

nay bà L đang tranh chấp lối đi này; đất thuộc thửa 08, tờ bản đồ số 38 diện tích hơn 3.000m² do bà T đứng tên trên bản đồ nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất. Trước năm 1975 rất lâu, ông nội ông cho cha ông phần đất vườn, do còn một phần đất trống nên ông nội ông cho bà con xung quanh nhóm chợ vào buổi chiều, cha ông tạo cho bà con một lối đi vào chợ. Trước năm 1975 chợ không còn nhóm nữa và bà con cũng không ai đi lối đi này.

Sau năm 1975, bà L có mua phần đất vườn giáp đất cha ông nên có đi nhờ lối đi trên đất cha ông và sau này là đất của bà T và của ông, nhưng bà L cũng không đi lại thường xuyên vì để ra vườn của bà L thì bà L còn có các lối đi khác thuận tiện hơn, có thể đi lại bằng xe máy hoặc đi xuống. Năm 2015, ông có thỏa thuận bán cho bà L lối đi đang tranh chấp có chiều ngang hơn 1m dài khoảng 85m thuộc thửa 08, tờ bản đồ số 38 nhưng bà L không mua vì bà L cho rằng đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, vào tháng 7/2015, ông đã thỏa thuận bán cho anh Trần Văn V1 phần đất trước đây cha ông có tạo lối đi cho bà con với giá là 27.000.000 đồng, việc mua bán giữa ông và anh V1 có làm giấy tay, việc giao tiền và giao đất giữa ông và anh V1 đã thực hiện xong. Nay ông không đồng ý để bà L được quyền sử dụng lối đi có diện tích là 147,2m² đất thuộc một phần của thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 theo yêu cầu của bà L, ông H thống nhất giá đất đang tranh chấp là 150.000đ/m². Ông không yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với anh V1 trong vụ án này.

+ Bà Phan Thị Ngọc T thống nhất với lời trình bày của ông Phan Tứ H về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và bà T là người đang đứng tên và trực tiếp sử dụng phần đất bà L đang tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề với bà T. Nay bà T không đồng ý để bà L được quyền sử dụng lối đi có diện tích là 95,3m² đất thuộc một phần của thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 theo yêu cầu của bà L. Bà T thống nhất giá đất đang tranh chấp là 150.000đ/m².

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Anh Trần Văn V1 trình bày: Vào tháng 7/2015 anh có nhận chuyển nhượng từ ông Phan Tứ H diện tích đất là 169,2m² thuộc một phần của thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 của ông H (nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đất tọa lạc tại ấp Hưng M, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp với giá chuyển nhượng là 27.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng, anh V1 và ông H chỉ làm giấy tay, đã thanh toán tiền xong, nhưng chưa làm thủ tục sang tên vì đất của ông H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau đó lại phát sinh tranh chấp với bà L nên không sang tên được. Anh V1 bắt đầu sử dụng để mở rộng nhà kho chứa lúa trên phần đất này từ tháng 7/2015 cho đến nay. Trong vụ án tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề giữa bà L với ông H và bà T thì anh không ý kiến và yêu cầu gì, mà để cho tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp tòa án quyết định phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà L, anh sẽ tự nguyện di dời tài sản của mình có trên đất tranh chấp mà không yêu cầu ai bồi thường thiệt hại hay hỗ trợ chi phí di dời. Anh không yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và ông H trong vụ án này, anh V1 thống nhất giá đất đang tranh chấp là 150.000đ/m².

+ Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị L trình bày: Bà L là vợ ông H, là thành viên trong hộ khẩu ông H. Trong vụ án tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề giữa bà L với ông H thì bà không yêu cầu gì mà giao cho ông H được toàn quyền quyết định.

+ Bà Phạm Thị P, anh Trần Văn V2, chị Trần Thị T và Trần Thị Kim T trình bày: Bà P, anh V2, chị T, chị Kim T là mẹ, anh trai, vợ và con của anh V1, là thành viên trong hộ khẩu anh V1. Trong vụ án tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề giữa bà L với ông H, bà T thì bà P, anh V2, chị T và chị Kim T không yêu cầu gì mà giao anh V1 được toàn quyền quyết định.

+ Ủy ban nhân dân huyện L trình bày: Nguồn gốc một phần của thửa số 8, tờ bản đồ số 38, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 38, diện tích 3.251,8m², trên bản đồ thể hiện do bà T đứng tên, bao trùm luôn phần lối đi đang tranh chấp. Toàn bộ thửa đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Tại bản án số 64/2017/DSST ngày 20/10/2017 của Tòa án huyện L tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L về việc "Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" với ông Phan Tứ H có diện tích 147,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 và "Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" với bà Phan Thị Ngọc T có diện tích 95,3m² đất thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38. Trên bản đồ, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 do bà Phan Thị Ngọc T đứng tên, nhưng chưa được cấp quyền sử dụng. Đất tranh chấp tọa lạc tại xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 484.000đ (bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng), [theo biên lai số 037222 ngày 22/01/2016 số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và biên lai số 08941 ngày 05/01/2017 số tiền 284.000đ (Hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng)] của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà L còn phải nộp 1.316.000đ (Một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.313.000đ (Bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) bà L phải nộp (bà L đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Ngày 02/11/2017 bà Trần Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm xử, bà yêu cầu được trả giá trị diện tích lối đi 242,5m² cho ông H và bà T theo giá Nhà nước quy định.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử, bà yêu cầu được trả giá trị phần lối đi đang tranh chấp diện tích là 242,5m² theo giá Nhà nước quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lối đi mà các bên đương sự đang tranh chấp có diện tích chung là 242,5m² thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 có nguồn gốc là của cha ông H, bà T để lại cho bà T sử dụng, bà T cho lại ông H một phần để sử dụng. Phần lối đi mà bà L đang tranh chấp với ông H có diện tích 147,2m² hiện nay do anh Trần Văn V1 đang quản lý sử dụng là do anh V1 chuyển nhượng lại của ông H vào năm 2015. Phần lối đi mà bà L đang tranh chấp với bà T có diện tích 95,3m² hiện nay do bà T đang quản lý sử dụng, hiện trạng lối đi này từ khi làm đường ĐH69 gia đình ông H, bà T và những người dân xung quanh, kể cả gia đình bà L cũng không ai sử dụng lối đi này.

[2] Việc bà L yêu cầu được quyền sử dụng lối đi qua phần đất của ông H có diện tích 147,2m² và đất của bà T có diện tích 95,3m², bà L cho rằng lối đi mà bà L đang tranh chấp với ông H và bà T đã được bà L sử dụng từ năm 1977 đến nay. Tuy nhiên, lời trình bày và chứng cứ mà bà L cung cấp không được ông H, bà T thừa nhận, ông H và bà T cho rằng vào khoảng năm 1976-1977 bà L có mua phần đất tiếp giáp với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 của ông, bà, thỉnh thoảng bà L có đi nhờ trên thửa đất này để đi ra đất vườn của bà L, cho đến khoảng năm 1990 đến năm 1992 khi Nhà nước múc rạch C, bà L không đi nhờ trên thửa đất này nữa mà bà thường xuyên đi bằng xe máy trên lối đi theo rạch C hoặc bà đi bằng xuồng đến đất của bà, có một thời gian bà L sử dụng lối đi trên phần đất của ông M, của anh Trần Văn V1 (là cháu ruột bà L) để đi ra vườn. Do vậy, ông H, bà T cũng không đồng ý để bà L được sử dụng lối đi trên đất của ông, bà có diện tích chung là 242,5m².

[3] Qua kiểm tra thực tế thì bà L không thường xuyên sử dụng lối đi đang tranh chấp này để đi vào phần đất vườn của bà, vì hiện tại bà L sử dụng lối đi cặp rạch C từ những năm 1992, lối đi này bà L có thể đi lại bằng xe máy hoặc đi bằng xuồng thuận lợi hơn lối đi mà bà L đang tranh chấp với ông H, bà T vì lối đi mà bà L yêu cầu ông H, bà T cho đi hiện tại anh V1 đã cất nhà ở ổn định, ngoài ra bà L còn sử dụng lối đi cặp đường chùa để đi vào phần đất vườn của bà. Thực tế bà L cũng không chứng minh được bà đã sử dụng lối đi qua đất của ông H, bà T từ năm 1977 đến nay.

Đồng thời, lối đi mà bà L đang yêu cầu ông H, bà T cho đi, hiện nay là một

phần con mương lạng, trũng, thấp không phải là lối đi thực thụ mà xung quanh là mô mã của gia đình ông H, bà T. Vào năm 2015 ông H muốn chuyển nhượng phần đất có diện tích 147,2m² đang tranh chấp cho bà L vì phần đất này ông được bà T là em của ông cho lại, ông cũng không trông trọt vì trên phần diện tích đất này nhưng bà L không đồng ý chuyển nhượng, vì vậy, ông H mới chuyển nhượng cho anh V là cháu ruột của bà L và hiện nay anh V cũng đã cất nhà trên phần đất mà bà L cho rằng đó là lối đi, căn nhà này cất liền ranh với thửa đất của bà H và anh cũng đã sử dụng ổn định, còn phần phía sau tiếp giáp với đất của bà T là con mương nước, bà L cho rằng đó là lối đi có từ trước đến nay, nhưng qua xem xét thực tế hiện nay, phần đất đang tranh chấp không phải là lối đi, mà phần đất này, khi anh V1 chuyển nhượng đất của ông H, một phần anh V1 đã sử dụng làm nhà ở, kho chứa lúa, phần còn lại tiếp giáp với đất của bà T là con mương lạng đang nuôi vịt, không phải là lối đi như bà L trình bày và tại phiên tòa anh V1 cũng không đồng ý chuyển nhượng phần đất mà anh đã mua của ông H lại cho bà L, vì anh cho rằng bà L đã có các lối đi khác bằng xe máy hoặc bằng xuồng để đi vào phần đất của bà. Vì vậy, xét yêu cầu kháng cáo của bà L yêu cầu được sử dụng lối đi trên phần diện tích đất 147,2m² của ông H đã chuyển nhượng cho anh V và diện tích 95,3m² đất của bà T thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 do bà Phan Thị Ngọc T đứng tên và bà sẽ trả giá trị đất cho ông H, bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà L yêu cầu ông H, bà T cho bà được sử dụng lối đi trên diện tích 242,5m² là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị L.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 64/2017/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L về việc "Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" với ông Phan Tứ H có diện tích 147,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 và "Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" với bà Phan Thị Ngọc T có diện tích 95,3m² đất thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38. Trên bản đồ, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 38 do bà Phan Thị Ngọc T đứng tên, nhưng chưa được cấp quyền sử dụng. Đất tranh chấp tọa lạc tại xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 484.000đ (Bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 037222 ngày 22/01/2016 số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và biên lai số 08941 ngày 09/01/2017 số tiền 284.000đ (Hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà L còn phải nộp 1.316.000đ (Một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.313.000đ (Bốn triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng) bà L phải nộp (bà L đã nộp xong).

6. Án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 02008 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đã ký

Trần Phước Hội